

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2025/DS-PT
Ngày 20 - 3 - 2025
V/v Yêu cầu tuyên bố di chúc vô
hiệu và tranh chấp quyền sử dụng
đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Phạm Văn Tinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về “Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu và tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 186/2024/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 380/2025/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 12/02/2025):

Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 2004 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số C, ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 2003;

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Á, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Trần Xuân N1, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Ông Nguyễn Anh Q, sinh năm 1999 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Ông N1, ông Q cùng địa chỉ liên hệ: Số D, đường N, ấp H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị B, sinh năm 1939 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh N2, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố E, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản hòa giải không thành và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N trình bày:

Thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa 548 và 549, tờ bản đồ số 12) diện tích 1.826,7m², tọa lạc ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, trước đây do cha mẹ ông Nghĩa là ông Nguyễn Thanh P và bà Ngô Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 07/02/2019 ông Nguyễn Thanh P chết, trước khi chết ông P và bà B cùng lập di chúc để lại toàn bộ thửa đất trên cho con trai ông Nghĩa là Nguyễn Hữu H. Di chúc được lập ngày 11/6/2018 được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 846, quyển số 1TP/CC-SCC/HĐGD. Tuy nhiên, vào khoảng năm 2017 cha ông N bị tai biến, té đập đầu, chấn thương sọ não, thần kinh không còn

minh mắt, sáng suốt, chỉ năm yên không đi lại được, mọi sinh hoạt của ông P phải có người lo. Ông N có thuê người giúp việc là bà Tư L chăm sóc ông P từ lúc bệnh năm 2017 đến khi qua đời năm 2019.

Vào thời điểm năm 2018 ông N cần xây dựng nhà ở và nhà xưởng để sản xuất dừa thì ông P và bà B tặng cho ông N phần đất diện tích khoảng 800 m² thuộc một phần thửa 542, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa 549, 549) để ông N xây dựng nhà, xưởng. Vì cha mẹ cho con nên việc tặng cho chỉ bằng lời nói, chưa tiến hành thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc tặng cho này có những bà con trong dòng họ đều biết.

Sau khi được ông P và bà B tặng cho, vào thời điểm cho thì đất vườn rất thấp không thể xây nhà được nên ông N đã tiến hành bơm cát san lấp khoảng 1000m³ cát và tiến hành xây dựng nhà ở, nhà xưởng trên phần đất cha mẹ cho như hiện nay.

Thời gian gần đây, H yêu cầu bộ phận đo đạc đến tiến hành đo đạc thửa đất để cầm cố cho người khác. Đồng thời H đuổi và yêu cầu ông N dời nhà xưởng đi nơi khác trả lại quyền sử dụng đất thửa đất trên cho H, thì ông N mới biết việc cha mẹ ông là ông P và bà B lập di chúc để lại toàn bộ thửa đất trên cho H.

Nhưng thực tế, ba ông N bị bệnh tai biến ảnh hưởng đến não bộ, tinh thần không minh mắt sáng suốt, không thể đi lại thì không thể nào ông P đi đến Văn phòng Công chứng tại huyện G để lập và chứng thực bản di chúc. Đồng thời khi lập di chúc thửa đất trên đang thế chấp cho khoản vay 150.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre. Khi không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc và tài sản đang thế chấp nhưng Văn phòng công chứng vẫn chứng thực bản di chúc, điều này là không phù hợp.

Hiện trạng thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa 548, 549) diện tích 1.826,7m² tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre có 01 căn nhà bằng cây đã xuống cấp, 02 căn nhà kiên cố xây dựng bằng bê tông, cốt thép và nhà xưởng sản xuất dừa.

Nay ông N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu công nhận cho ông N được quyền sử dụng diện tích 800m² đất thuộc một phần thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa 548, 549) diện tích 1.826,7m² tọa lạc tại A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Tuyên bố bản di chúc của ông Nguyễn Thanh P và bà Ngô Thị B lập lúc 14 giờ ngày 11/6/2018 tại Văn phòng C tại xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre là vô hiệu.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa 548, 549) diện tích 1.826,7 m² tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre hiện nay do ông Nguyễn Hữu H đứng tên.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu H và người đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày:

Thời điểm lập di chúc thì ông Nguyễn Thanh P1 có năng lực hành vi dân sự phù hợp quy định của pháp luật, việc Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn M xác định ông Nguyễn Thanh P có năng lực hành vi dân sự cũng đồng nghĩa rằng ông P hoàn toàn bình thường và minh mẫn sáng suốt khi lập di chúc. Thời điểm lập di chúc thì không chỉ có mặt ông Nguyễn Thanh P mà còn có mặt của bà Ngô Thị B, bà B là người trực tiếp tham gia giao dịch nên nắm bắt các tình tiết có liên quan đến việc lập di chúc. Như vậy, một người được xem là mất năng lực hành vi dân sự khi có quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án về việc tuyên bố người này mất năng lực hành vi dân sự, tại thời điểm lập di chúc thì ông P không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự.

Đối với Văn bản xác nhận của bà Nguyễn Thị N3, ông Lê Minh N4, ông Bùi Văn K1, ông Nguyễn Văn D không do Thẩm phán lấy lời khai nên không đúng trình tự thủ tục luật định, những người này không có thẩm quyền pháp lý để xác định ông P mất năng lực hành vi dân sự nên không phải là người làm chứng.

Khi lập di chúc thì ông P đã trực tiếp ký tên và lấn tay vào trong văn bản, đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh vì đã được Công chứng, chứng thực hợp pháp. Tại thời điểm này ông P đã đến cơ quan công chứng để lập di chúc, ông N cho rằng ông P không thể đi lại được nên không có lập di chúc thì phải đưa ra chứng cứ chứng minh, ông N có quyền yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký và vân tay của ông P để xác định có hay không việc lập di chúc.

Hiện nay, không có bất kỳ một quy định nào của pháp luật cấm lập di chúc khi tài sản đang thế chấp ngân hàng, bởi lẽ di chúc là văn bản thể hiện ý chí và nguyện vọng của người lập di chúc về việc định đoạt tài sản của mình sau khi chết. Đồng thời, người hưởng di sản cũng phải thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại. Do đó, việc lập di chúc đối với tài sản đang thế chấp ngân hàng hoàn toàn không vi phạm điều cấm của pháp luật và cũng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên nhận thế chấp. Vì vậy, ông P lập di chúc để định đoạt tài sản thuộc quyền sử dụng của mình là hoàn toàn hợp pháp. Việc ông P lập di chúc để lại tài sản cho anh H là đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của di chúc vì tại thời điểm lập di chúc thì ông P có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, ông P hoàn toàn tự nguyện trong việc đưa ra ý chí và nguyện vọng của mình, di chúc này đã được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận nên đảm bảo về mặt hình thức, ngoài ra di chúc này cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên đảm bảo về mặt nội dung. Việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H trên cơ sở nhận thừa kế từ ông P và nhận tặng cho từ bà B là đúng thẩm quyền, đúng nguồn gốc, đúng đối tượng, đáp ứng đầy đủ các điều

kiện để công nhận quyền sử dụng đất cho anh H. Vì vậy, anh H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.

Đồng thời ông N cho rằng được ông P và bà B cho đất để xây dựng nhà xưởng vào năm 2008 nhưng ông N không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Bà B thì không thừa nhận có cho đất ông N nên việc ông N yêu cầu Toà án công nhận cho ông được quyền sử dụng 800m² đất là không có căn cứ.

Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 20/12/2023, bà Ngô Thị B trình bày:

Bà B và chồng là ông Nguyễn Thanh P (chết năm 2019) có 02 người con tên Nguyễn Thị Thanh N2 và Nguyễn Thanh N. Ông N có vợ là Huỳnh Thị Kim Á, N và Á có 03 người con: Nguyễn Hữu H, Nguyễn Hữu H1 và Nguyễn Thái Bảo U.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng bà B có tạo lập được khối tài sản chung là phần đất có diện tích 3.042m² thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/11/2013.

Trước đây, ông Nguyễn Thanh N cần tiền làm ăn nên nhờ vợ chồng bà B đứng ra thế chấp tài sản nêu trên để vay Quỹ tín dụng nhân dân xã P số tiền 150.000.000 đồng. Khi đến hạn trả nợ thì ông N không trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Phước Hiệp, do đó đã bị phát mãi tài sản diện tích khoảng 1.215,3m² trong tổng diện tích 3.042m² đất thuộc sở hữu của vợ chồng bà.

Mặc dù ông Nghĩa là con nhưng thời gian qua ông N không thực hiện bổn phận và trách nhiệm của một người con. Xuất phát từ những lý do đó, vợ chồng bà đã bàn bạc thống nhất lập di chúc để lại toàn bộ tài sản của mình cho cháu nội là Nguyễn Hữu H, trong đó vợ chồng bà có di nguyện là ông Nguyễn Hữu H sẽ tiếp tục quản lý phần đất thổ cư thờ cúng ông bà tổ tiên, còn phần đất nông nghiệp thì ông Nguyễn Hữu H được toàn quyền quyết định sau khi nhận thừa kế.

Để thực hiện ý chí và nguyện vọng của mình thì vợ chồng bà có đến Văn phòng công chứng Nguyễn Văn M để lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho ông Nguyễn Hữu H, di chúc số 846 lập ngày 11/6/2018.

Bà B khẳng định toàn bộ di chúc là đúng với ý chí và nguyện vọng của vợ chồng bà. Năm 2023 ông Nguyễn Hữu H đã khai nhận di sản thừa kế đối với phần đất của chồng bà là ông Nguyễn Thanh P, còn bà thì ký hợp đồng tặng cho toàn bộ phần quyền sử dụng đất của mình trong khối tài sản chung nêu trên để cho ông Nguyễn Hữu H trọn quyền sử dụng, sau đó ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Khi ông Nguyễn Thanh N biết vợ chồng bà lập di chúc cho ông Nguyễn Hữu H thì đã chửi bới, đánh đập vợ chồng bà, đập phá đồ đạc trong gia đình, có một số lần bà đã báo với chính quyền địa phương và Công an xã P nhiều lần nhắc nhở nhưng ông N không thay đổi.

Nay bà đề nghị Tòa án xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố bản di chúc của vợ chồng bà vô hiệu.

Bà B xác định căn nhà trên đất tranh chấp là do vợ chồng bà xây dựng đề ở bằng tiền lương dành dụm và lương hưu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh N2 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 186/2024/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Áp dụng Điều 203 Luật đất đai năm 2013; các điều 609, 610, 61 1,612, 613, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631 và 643 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thanh N.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thanh N.

Cụ thể tuyên:

1. Tuyên bố bản di chúc của ông Nguyễn Thanh P và bà Ngô Thị B lập ngày 11/6/2018, được công chứng số: 846, quyền 01/TP-SCC/HĐGD, ngày 11/6/2018 tại Văn phòng C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre là vô hiệu.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DK 679010, vào sổ cấp GCN: CS05818 ngày 05 tháng 5 năm 2023 đối với thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.826,7m² do anh Nguyễn Hữu H đứng tên chủ sử dụng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 679868, vào sổ cấp GCN: VP05846 đối với các thửa đất số 548 và 549, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho anh Nguyễn Hữu H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 31 tháng 5 năm 2023.

2. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Thanh N về việc yêu cầu công nhận diện tích 800m² thuộc một phần thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa 548, 549), tọa lạc tại A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Thanh N.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/11/2024, bị đơn anh Nguyễn Hữu H kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng của các bên đương sự, xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu H và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu H còn trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 285, Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu huỷ di chúc của ông Nguyễn Thanh P và bà Ngô Thị B lập ngày 11/6/2018 tại Văn phòng C:

Xét thấy, phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 542 tờ bản đồ số 12, diện tích 1.826,7m² (nay được tách thành 2 thửa là thửa 548, diện tích 1526,7m² và thửa 549, diện tích 300m²), tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Hữu H vào ngày 31/5/2023.

Trong quá trình giải quyết, các bên đương sự đều trình bày thống nhất: Ông Nguyễn Thanh P (chết năm 2019) và bà Ngô Thị B có 02 người con là Nguyễn Thị Thanh N2 và Nguyễn Thanh N.

Trong quá trình chung sống ông Nguyễn Thanh P và bà Ngô Thị B tạo lập được khối tài sản chung là phần đất thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 12, diện tích 3042m² được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh P và bà Ngô Thị B vào ngày 04/11/2013.

Tài sản chung của ông P và bà B sau khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Quỹ tín dụng nhân dân xã P thì thừa đất trên còn lại diện tích là 1.826,7m² được chuyển đổi thành thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Xét tính hợp pháp của di chúc:

- Về hình thức:

Di chúc được lập thành văn bản có công chứng tại Văn phòng C vào ngày 11/6/2018 đúng quy định tại Điều 627 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo Công văn trả lời số 63/CV-VPCC, ngày 04/10/2024 của Văn Phòng C về việc lập Di chúc của ông Nguyễn Thanh P và bà Ngô Thị B như sau: Qua việc lập và chứng nhận di chúc nêu trên Văn phòng công chứng nhận thấy công chứng viên thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo luật công chứng quy định.

Như vậy, theo xác nhận của Văn phòng C thì việc lập di chúc của ông Nguyễn Thanh P và bà Ngô Thị B là theo đúng quy định của pháp luật. Tại bản di chúc, Lời chứng của Công chứng viên ngày 11/6/2018 chứng nhận: “Bà Ngô Thị B và ông Nguyễn Thanh P đã đọc lại Di chúc này, hiểu rõ nội dung ghi trong Di chúc và ký tên, điểm chỉ...”.

Như vậy, theo lời chứng của công chứng viên thì thời điểm lập di chúc cả ông P và bà B đều có mặt và ký tên, điểm chỉ tại V công chứng Nguyễn Văn M.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của ông N thì vào năm 2017 ông P bị tai biến, té đập đầu, chấn thương não bộ, tinh thần không minh mẫn sáng suốt, chỉ nằm yên không đi lại được, mọi sinh hoạt của ông P phải có người lo, ông N có thuê người giúp việc là bà Tư L chăm sóc cho ông P từ lúc bị bệnh năm 2017 đến khi ông P chết vào năm 2019.

Đồng thời ông N cung cấp các xác nhận của ông Lê Minh N4, Nguyễn Văn D, Bùi Văn K1, Nguyễn Thị N3 là những người hàng xóm của ông P xác nhận từ năm 2018 ông P bị tai biến, nằm một chỗ, không có khả năng đi lại.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà B thì tại thời điểm lập di chúc bà và ông P đều có mặt tại Văn phòng C và đồng ý ký tên điểm chỉ.

Do đó, việc ông N cho rằng ông P không còn minh mẫn, sáng suốt nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông P bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật. Đồng thời, các lời chứng của nhân chứng cũng chỉ xác nhận ông P nằm một chỗ nhưng không có nghĩa là ông P không thể di chuyển được để đi đến Văn phòng công chứng để ký tên điểm chỉ, do đó lời chứng này không được xem là chứng cứ của vụ án để Tòa án xem xét về tính hợp pháp của di chúc. Mặt khác, ông N cũng không có yêu cầu giám định chữ viết của ông Nguyễn Thanh P và bà Ngô Thị B tại bản di chúc lập ngày 11/6/2018. Do đó, việc ông N cho rằng, tại thời điểm lập di chúc không có mặt ông P và ông P cũng không có ký tên, điểm chỉ là không có căn cứ.

- Về nội dung di chúc:

Trong phần di chúc có ghi “Hiện nay tài sản trên chúng tôi đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân Phước Hiệp với số tiền vay là 150.000.000 đồng”.

Nguyên đơn cho rằng, thời điểm ông P và bà B lập di chúc ngày 11/6/2018 thì thửa đất trên đã thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay tại Quỹ tín dụng nhân dân xã P, đến ngày 19/11/2018 mới xóa thế chấp, nên việc Văn phòng công chứng công chứng di chúc khi không có bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định tại khoản 8 Điều 40 của Luật Công chứng năm 2014. Đồng thời, tại thời điểm lập di chúc thì trên phần đất đã tồn tại một căn nhà, xưởng và các công trình xây dựng kiên cố khác do ông Nguyễn Thanh N xây dựng vào năm 2010, nhưng ông P và bà B không hỏi ý kiến của ông N, không có sự đồng ý của ông N, không phù hợp quy định của pháp luật, di chúc của ông P và bà B là không thể thực hiện được do có đối tượng không thể chuyển giao.

Xét thấy, quyền sử dụng đất thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12 là tài sản chung của vợ chồng ông P, bà B. Căn cứ quy định tại Điều 26, 27 Luật đất đai năm 2014; Điều 327, 636 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì người có quyền sử dụng đất có quyền lập di chúc để lại tài sản là quyền sử dụng đất cho người khác. Tại thời điểm lập di chúc ngày 11/6/2018 thì thửa đất số 542 được ông P, bà B thế chấp vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân xã P. Việc thế chấp quyền sử dụng đất là để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay và việc lập di chúc là định đoạt tài sản sau khi ông P, bà B chết. Do đó, Tòa sơ thẩm cho rằng tài sản đang thế chấp mà định đoạt tài sản là không đúng quy định pháp luật là không phù hợp. Đối với việc Tòa sơ thẩm nhận định việc chứng thực chữ ký của người lập di chúc cần có bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không cần thiết. Ngoài ra, trên đất tranh chấp có công trình, kiến trúc là 01 căn nhà cấp 4 hiện ông N đang ở và 01 nhà xưởng của ông N. Tại cấp sơ thẩm, ông N cho rằng, nhà và nhà xưởng là của ông nhưng các bên không có tranh chấp tài sản này và Tòa sơ thẩm cũng không giải quyết nội dung này do không có tranh chấp. Do đó, Tòa sơ thẩm nhận định rằng có tài sản là nhà ở, nhà xưởng của ông N để xác định di chúc vô hiệu do có đối tượng không thể chuyển giao là không phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy, di chúc do ông Nguyễn Thanh P và bà Ngô Thị B lập ngày 11/6/2018 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn M là đúng quy định pháp luật nên nguyên đơn yêu cầu tuyên bố di chúc lập ngày 11/8/2018 là vô hiệu là không có căn cứ chấp nhận.

Toà sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ để tuyên vô hiệu di chúc ngày 11/6/2018 là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Hữu H, nên cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu hủy di chúc của nguyên đơn.

[2.2] Về yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 800m² đất thuộc một phần thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa 548, 549), tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện M, tỉnh B thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Thanh N:

Ông N cho rằng ông được ông P và bà B1 cho 800m² đất thuộc một phần của thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12 vào năm 2008 để ông xây dựng nhà ở và cơ sở chế biến dừa nhưng ông có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Trong khi đó bà B trình bày, bà không có cho ông N phần đất nêu trên. Do đó, Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu công nhận diện tích 800m² đất thuộc một phần thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12 cho ông N. Tại cấp phúc thẩm, ông N cũng không có kháng cáo nội dung này nên Tòa phúc thẩm không xét đến.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu H là có căn cứ nên được chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông H không phải chịu án phí, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho ông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự,
Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 186/2024/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng Điều 26, 27, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; các điều 327, 609, 610, 611, 612, 613, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 636 và 643 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thanh N về việc yêu cầu tuyên bố bản di chúc của ông Nguyễn Thanh P và bà Ngô Thị B lập ngày 11/6/2018, được công chứng số: 846, quyển 01/TP-SCC/HĐGD ngày 11/6/2018 tại Văn phòng C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre là vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh N về việc yêu cầu công nhận diện tích 800m² thuộc một phần thửa đất số 542, tờ bản đồ số 12 (nay

là thửa 548, 549), tọa lạc tại A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Thanh N.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001216 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam và số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002152 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

4. Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Thanh N phải chịu số tiền 3.614.000 (ba triệu sáu trăm mười bốn nghìn) đồng và đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Hữu H không phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004918 ngày 11/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Phận